

Số: /QĐ-UBND

Sơn La, ngày tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đối với dự án
Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu,
đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung
một số điều Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 106/2023/QH15 ngày 28/11/2023 của Quốc hội về
thí điểm một số chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ
quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và
bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của
Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều của các
Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 27/01/2024 của Chính phủ về triển
khai Nghị quyết số 106/2023/QH15 ngày 28/11/2023 của Quốc hội;

Căn cứ Quyết định số 216/QĐ-TTg ngày 02/3/2024 của Thủ tướng Chính
phủ về việc phân cấp và giao cơ quan chủ quản đầu tư các dự án đường bộ theo
Nghị quyết số 106/2023/QH15 ngày 28/11/2023 của Quốc hội về thí điểm một số
chính sách đặc thù về đầu tư xây dựng công trình đường bộ;

Căn cứ Nghị quyết số 299/NQ-HĐND ngày 10/3/2024 của HĐND tỉnh
Sơn La về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường
bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La;

Theo đề nghị của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các
công trình giao thông tại Tờ trình số 12/TTr-BQLDA ngày 13/3/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đối với dự án
Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến
thuộc địa bàn tỉnh Sơn La theo phụ lục đính kèm, gồm 6 nhóm chủ yếu sau:

1. Nhóm 1: Quy chuẩn áp dụng.
2. Nhóm 2: Tiêu chuẩn áp dụng cho công tác khảo sát xây dựng.
3. Nhóm 3: Tiêu chuẩn áp dụng cho công tác thiết kế xây dựng.
4. Nhóm 4: Tiêu chuẩn áp dụng cho công tác thi công và nghiệm thu công trình xây dựng.
5. Nhóm 5: Tiêu chuẩn thiết kế trung tâm quản lý điều hành, trung tâm dịch vụ, nhà hạt quản lý và các công trình phụ trợ.
6. Nhóm 6: Tiêu chuẩn áp dụng cho hệ thống giao thông thông minh (ITS).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông

- Căn cứ vào danh mục tiêu chuẩn đã được phê duyệt và các quy định có liên quan để yêu cầu các đơn vị triển khai thực hiện theo quy định (*khảo sát, thiết kế, giám sát thi công xây dựng công trình, thi công và nghiệm thu công trình xây dựng...*). Khi áp dụng phải đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ, không pha trộn các tiêu chuẩn có cùng phạm vi áp dụng nhưng khác biệt về phương pháp luận và triết lý kỹ thuật cho cùng một công trình hoặc bộ phận kết cấu công trình.

- Trong quá trình áp dụng, trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng chưa phù hợp hoặc có sự chồng chéo cần bổ sung, điều chỉnh danh mục, kịp thời rà soát, tổng hợp, xin ý kiến các Sở ngành liên quan, trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét điều chỉnh, bổ sung theo quy định.

2. Các Sở ngành liên quan theo lĩnh vực quản lý ngành có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn, hỗ trợ Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông trong quan trình tổ chức lập, thẩm tra, thẩm định hồ sơ thiết kế cơ sở, hồ sơ thiết kế kỹ thuật,... đảm bảo chất lượng, quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Xây dựng, Công thương, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông; Thủ trưởng các ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (b/c);
- Chủ tịch UBND tỉnh (b/c);
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- VP UBND tỉnh (LĐ, P.KT);
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, KT (Toàn);

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Hồng Minh

Phụ lục**Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đối với dự án Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu, đoạn tuyến thuộc địa bàn tỉnh Sơn La***(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã quy chuẩn, tiêu chuẩn
I.	Quy chuẩn áp dụng	
1.	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới độ cao	QCVN 11: 2008/BTNMT
2.	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rà phá bom mìn, vật nổ	QCVN 01:2022/BQP
3.	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng	QCVN 01:2021/BXD
4.	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng	QCVN 02:2022/BXD
5.	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp công trình phục vụ thiết kế xây dựng	QCVN 03:2022/BXD
6.	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quan trắc thủy văn	QCVN 47:2022/BTNMT
7.	Quy chuẩn sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD về an toàn cháy cho nhà và công trình	01:2023 QCVN 06:2022/BXD
8.	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình Hạ tầng kỹ thuật	QCVN 07:2016/BXD
9.	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình Hạ tầng kỹ thuật: Công trình thoát nước	QCVN 07-2:2016/BXD
10.	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình Hạ tầng kỹ thuật: Công trình Hào và Tuyến kỹ thuật	QCVN 07-3:2016/BXD
11.	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình Hạ tầng kỹ thuật: Công trình giao thông	QCVN 07-4:2016/BXD
12.	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình Hạ tầng kỹ thuật: Công trình cấp điện	QCVN 07-5:2016/BXD
13.	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình Hạ tầng kỹ thuật: Công trình chiếu sáng	QCVN 07-7:2016/BXD
14.	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình Hạ tầng kỹ thuật: Công trình viễn thông	QCVN 07-8:2016/BXD
15.	Quy chuẩn Quốc gia về an toàn điện	QCVN 01:2020/BCT
16.	Quy chuẩn quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình	QCVN 06:2022/BXD
17.	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình sử dụng năng lượng hiệu quả	QCVN 09:2017/BXD
18.	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng	QCVN 10:2014/BXD

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã quy chuẩn, tiêu chuẩn
19.	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về hệ thống điện của nhà ở và công trình công cộng	QCVN 12:2014/BXD
20.	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hoá vật liệu xây dựng	QCVN 16:2023/BXD
21.	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong xây dựng	QCVN 18:2021/BXD
22.	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông	QCVN 33: 2019/BTTTT
23.	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chống sét cho các trạm viễn thông và mạng cáp ngoại vi viễn thông	QCVN 32:2020/BTTTT
24.	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếp đất cho các trạm viễn thông	QCVN 9: 2016/BTTTT
25.	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN 41:2019/BGTVT
II.	Tiêu chuẩn áp dụng cho công tác khảo sát xây dựng	
1.	Công trình thủy lợi - Thí nghiệm mô hình vật lý sông	TCVN 12196:2018
2.	Khảo sát cho xây dựng - Nguyên tắc cơ bản	TCVN 4419:1987
3.	Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát	TCCS 31:2020/TCĐBVN
4.	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung	TCVN 9398:2012
5.	Kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình	TCVN 9401:2012
6.	Công trình thủy lợi - Yêu cầu về thành phần khối lượng khảo sát địa hình trong giai đoạn lập dự án và thiết kế	TCVN 8478 :2018
7.	Quy định kỹ thuật đo đạc trực tiếp địa hình phục vụ thành lập bản đồ địa hình và cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000	Thông tư 68/2015/TT-BTNMT
8.	Áo đường mềm - Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
9.	Áo đường mềm - Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo vồng Benkelman	TCVN 8867:2011
10.	Chỉ dẫn kỹ thuật công tác khảo sát địa chất công trình cho xây dựng vùng các-tơ	TCVN 9402:2012
11.	Công trình phòng chống đất sụt trên đường ô tô - Yêu cầu khảo sát và thiết kế	TCVN 13346:2021
12.	Quy trình khoan thăm dò địa chất công trình	TCVN 9437:2012
13.	Công trình đê điều - Khảo sát địa chất công trình	TCVN 10404:2015

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã quy chuẩn, tiêu chuẩn
14.	Quy trình thí nghiệm xuyên tĩnh có đo áp lực nước lỗ rỗng (CPTu)	TCVN 9846:2013
15.	Quy trình đo áp lực nước lỗ rỗng trong đất	TCVN 8869:2011
16.	Đất xây dựng - Phân loại	TCVN 5747:1993
17.	Đất xây dựng - Phương pháp thí nghiệm hiện trường - Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2022
18.	Đất xây dựng - Phương pháp thí nghiệm xuyên tĩnh	TCVN 9352:2012
19.	Đất xây dựng - Phương pháp xác định mô đun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012
20.	Đất xây dựng - Thí nghiệm cắt cánh hiện trường cho đất dính	TCVN 10184:2021
21.	Đất xây dựng - Lấy mẫu, bao gói, vận chuyển và bảo quản mẫu	TCVN 2683:2012
22.	Đất xây dựng - Phương pháp xác định các chỉ tiêu cơ lý	TCVN 4195:2012÷ TCVN 4197:2012; TCVN 4198:2014; TCVN 4199:1995; TCVN 4200:2012÷ TCVN 4202:2012
23.	Đất xây dựng công trình thủy lợi - Phương pháp xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời trong phòng thí nghiệm (hệ số rỗng emax, emin cho cát)	TCVN 8721:2012
24.	Đất xây dựng công trình thủy lợi - Phương pháp xác định góc nghỉ tự nhiên của đất rời trong phòng thí nghiệm	TCVN 8724:2012
25.	Công trình thủy lợi - Phương pháp chỉnh lý kết quả thí nghiệm mẫu đất	TCVN 9153:2012
26.	Đất xây dựng công trình thủy lợi - Phương pháp xác định hệ số thấm của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8723:2012
27.	Đất, chất thải sinh học đã xử lý và bùn - Xác định pH	TCVN 5979:2021
28.	Thí nghiệm xác định sức kháng cắt không cố kết - Không thoát nước và cố kết - Thoát nước của đất dính trên thiết bị nén ba trục	TCVN 8868:2011
29.	Quy trình thí nghiệm xác định cường độ nén nở hông của đất dính	ASTM D2166
30.	Đá xây dựng - Phương pháp xác định độ bền nén trong phòng thí nghiệm	TCVN 10324:2014
31.	Công trình xây dựng- Phân cấp đá trong thi công	TCVN 11676:2016
32.	Đá vôi - Phương pháp phân tích hóa học	TCVN 9191:2012

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã quy chuẩn, tiêu chuẩn
33.	Các tiêu chuẩn thí nghiệm phân tích thành phần hóa học mẫu nước	TCVN 6656:2000 TCVN 6492:2011 TCVN 6179:1996 TCVN 6224:1996
34.	Đất xây dựng - Phương pháp xác định độ ẩm và độ hút ẩm trong phòng thí nghiệm	TCVN 4196:2012
35.	Đánh giá tải trọng khai thác cầu đường bộ	TCVN 12882:2020
36.	Công trình đê điều - Yêu cầu về thành phần, khối lượng khảo sát địa hình	TCVN 8481:2010
III. Tiêu chuẩn áp dụng cho công tác thiết kế		
1.	Đường ô tô cao tốc - Yêu cầu thiết kế	TCVN 5729:2012
2.	Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế	TCVN 4054:2005
3.	Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế	TCVN 13592:2022
4.	Đường giao thông nông thôn - Yêu cầu thiết kế	TCVN 10380:2014
5.	Đường ô tô cao tốc- thiết kế và tổ chức giao thông trong giai đoạn phân kỳ đầu tư xây dựng	TCCS 42:2022/TCĐBVN
6.	Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô trên nền đất yếu	TCCS 41:2022/TCĐBVN và Sửa đổi 1:2022 TCCS41:2022/TCĐBVN
7.	Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông	TCCS 39:2022/TCĐBVN
8.	Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế	TCCS 38:2022/TCĐBVN
9.	Áo đường mềm - Yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế theo chỉ số kết cấu (SN)	TCCS 37:2022/TCĐBVN
10.	Phân cấp kỹ thuật đường thủy nội địa	TCVN 5664:2009
11.	Móng cọc - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 10304:2014
12.	Tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ	TCVN 9845:2013
13.	Tính toán các đặc trưng thủy văn thiết kế	TCVN 13615:2022
14.	Thoát nước - mạng lưới và công trình bên ngoài - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 7957:2008
15.	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Yêu cầu chung về thiết kế độ bền lâu và tuổi thọ trong môi trường xâm thực	TCVN 12041:2017
16.	Thiết kế công trình phụ trợ trong thi công cầu	TCVN 11815:2017
17.	Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép	TCVN 5574:2018
18.	Tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ	TCVN 11823:2017

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã quy chuẩn, tiêu chuẩn
19.	Hầm đường sắt và Hầm ô tô - Tiêu chuẩn thiết	TCVN 4527:1988
20.	Tiêu chuẩn tải trọng và tác động	TCVN 2737:2023
21.	Thiết kế công trình chịu động đất	TCVN 9386:2012
22.	Công trình thủy lợi - Yêu cầu thiết kế đê sông	TCVN 9902:2016
23.	Công trình thủy lợi – Nền các công trình thủy công – Yêu cầu thiết kế	TCVN 4253:2012
24.	Công trình thủy lợi – Quy trình thiết kế tường chắn công trình thủy lợi	TCVN 9152:2012
25.	Công trình bảo vệ đê, bờ sông – Yêu cầu thiết kế	TCVN 8419:2022
26.	Công trình thủy lợi - Yêu cầu thiết kế kênh dẫn dòng	TCVN 9160:2012
27.	Công trình thủy lợi - Tải trọng và lực tác dụng lên công trình do sóng và tàu	TCVN 8421:2010
28.	Hướng dẫn chi tiết áp dụng mô hình thông tin công trình (BIM) đối với công trình dân dụng và công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị	Quyết định số 347/QĐ-BXD ngày 02/4/2021 của Bộ Xây dựng
29.	Hướng dẫn chung áp dụng mô hình thông tin công trình (BIM)	Quyết định số 348/QĐ-BXD ngày 02/4/2021 của Bộ Xây dựng
30.	Tổ chức thông tin các công việc xây dựng - Quản lý thông tin sử dụng mô hình thông tin công trình	BS EN ISO 19650 1&2
31.	Tiêu chuẩn quản lý chất lượng sản phẩm	ISO 1452-2:2009, TCVN 6144:2003
32.	Tiêu chuẩn về chiếu sáng nhân tạo đường, đường phố, quảng trường đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 259:2001
33.	Chiếu sáng nhân tạo bên ngoài các công trình công cộng và hạ tầng kỹ thuật đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 333:2005
34.	Tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn điện trong xây dựng - Yêu cầu chung	TCVN 4086:1985
35.	Quy phạm trang bị điện	Quyết định số 19/2016/QĐ-BCN ngày 11/7/2006 của Bộ Công nghiệp (nay là Công thương)
IV	Tiêu chuẩn áp dụng cho công tác thi công, nghiệm thu	
1.	Thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông xi măng trong xây dựng công trình giao thông	TCCS 40:2022/TCĐBVN
2.	Cọc bê tông ly tâm ứng lực trước	TCVN 7888:2014
3.	Cọc khoan nhồi - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9395:2012
4.	Đóng và ép cọc - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9394:2012

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã quy chuẩn, tiêu chuẩn
5.	Cọc - Phương pháp thử nghiệm tại hiện trường bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012
6.	Cọc khoan nhồi - Xác định độ đồng nhất của bê tông- Phương pháp xung siêu âm.	TCVN 9396:2012
7.	Cọc - Thí nghiệm kiểm tra khuyết tật bằng phương pháp động biến dạng nhỏ	TCVN 9397:2012
8.	Cọc - Phương pháp thử động biến dạng lớn	TCVN 11321:2016
9.	Dung sai trong xây dựng công trình – Phương pháp đo kiểm công trình và cấu kiện chế sẵn của công trình – Phần 1: Phương pháp và dụng cụ đo	TCVN 9262-1:2012
10.	Công tác nền móng – Thi công và nghiệm thu	TCVN 9361:2012
11.	Cầu và Cống – Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu	TCCS 05:2012/TCĐBVN
12.	Tiêu chuẩn thi công cầu đường bộ - AASHTO LRFD	TCCS 02:2010/TCĐBVN
13.	Vật liệu bentonite - Phương pháp thử	TCVN 11893:2017
14.	Dung dịch bentonite polyme - Yêu cầu kỹ thuật và Phương pháp thử	TCVN 13068:2020
15.	Khe co giãn chèn Asphalt - Yêu cầu kỹ thuật và thi công	TCCS 25:2019/TCĐBVN
16.	Khe co giãn răng lược - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 13067-2020
17.	Gối cầu cao su cốt bản thép không có tấm trượt trong cầu đường bộ - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 10308:2014
18.	Gối cầu kiểu chậu - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 10268:2014
19.	Gối cầu kiểu chậu - Phương pháp thử	TCVN 10269:2014
20.	Cao su lưu hóa hoặc nhiệt dẻo - Xác định độ cứng ấn lõm - Phần 1: Phương pháp sử dụng thiết bị đo độ cứng (độ cứng SHORE)	TCVN 1595-1:2013
21.	Thi công cầu đường bộ	TCVN 12885:2020
22.	Vữa chèn cáp dự ứng lực	TCVN 11971:2018
23.	Vữa xi măng khô trộn sẵn không co	TCVN 9204:2012
24.	Thép thanh dự ứng lực - Phương pháp thử kéo đồng bộ	TCVN 11243:2016
25.	Kết cấu BT&BTCT - Yêu cầu bảo vệ chống ăn mòn trong môi trường biển	TCVN 9346:2012
26.	Bê tông cường độ cao - Thiết kế thành phần mẫu hình trụ	TCVN 10306:2014

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã quy chuẩn, tiêu chuẩn
27.	Sản phẩm bê tông ứng lực trước - Yêu cầu kỹ thuật và kiểm tra chấp nhận	TCVN 9114:2012
28.	Sản phẩm bê tông cốt thép ứng lực trước - Yêu cầu kỹ thuật và kiểm tra chấp nhận	TCVN 9114:2019
29.	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9115:2019
30.	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối - Quy phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 4453:1995, TCVN 9341:2012
31.	Kết cấu BT&BTCT - Hướng dẫn kỹ thuật phòng chống nứt dưới tác động của khí hậu nóng ẩm	TCVN 9345:2012
32.	Kết cấu BT&BTCT - Hướng dẫn công tác bảo trì	TCVN 9343:2012
33.	Bê tông, yêu cầu bảo dưỡng ẩm tự nhiên	TCVN 8828:2011
34.	Vật liệu kim loại - Thử kéo - Phần 1: phương pháp thử ở nhiệt độ phòng	TCVN 197-1:2014
35.	Thép cốt bê tông	TCVN 1651-1÷2:2018
36.	Thép lá cacbon cán nóng và cán nguội mạ kẽm điện phân chất lượng thương mại và dập vuốt	TCVN 11231:2015 (ISO 5002-2013)
37.	Thép lá cacbon tấm mỏng chất lượng kết cấu được mạ kẽm và hợp kim kẽm – sắt nhúng nóng liên tục	TCVN 6525:2018
38.	Thép lá cacbon tấm mỏng chất lượng thương mại và chất lượng dập vuốt mạ kẽm và hợp kim kẽm – sắt nhúng nóng liên tục	TCVN 10355:2018
39.	Nước cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 4506:2012
40.	Bê tông khối lớn - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9341:2012
41.	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Điều kiện kỹ thuật tối thiểu để thi công và nghiệm thu	TCVN 5724:1993
42.	An toàn thi công cầu	TCVN 8774:2012
43.	Kết cấu bê tông cốt thép - Đánh giá độ bền của các bộ phận kết cấu chịu uốn trên công trình bằng phương pháp thí nghiệm chất tải tĩnh	TCVN 9344:2012
44.	Cấu kiện bê tông và bê tông cốt thép đúc sẵn - Phương pháp thí nghiệm gia tải để đánh giá độ bền, độ cứng và khả năng chống nứt	TCVN 9347:2012
45.	Bộ neo cáp cường độ cao - Neo tròn T13, T15 và neo dẹt D13, D15	TCVN 10568:2017
46.	Công tác hoàn thiện trong xây dựng - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9377:2012
47.	Băng chắn nước dùng trong mỗi nối công trình xây dựng. Yêu cầu sử dụng	TCVN 9384:2012
48.	Xi măng - Phương pháp phân tích hoá học	TCVN 141:2008

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã quy chuẩn, tiêu chuẩn
49.	Xi măng - Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 4031:1985
50.	Xi măng - Phương pháp xác định thời gian đông kết và độ ổn định thể tích	TCVN 6017:2015
51.	Xi măng Pooc lăng	TCVN 2682:2020
52.	Xi măng Pooc lăng hỗn hợp	TCVN 6260:2020
53.	Xi măng - Phương pháp lấy mẫu và chuẩn bị mẫu thử	TCVN 4787:2009
54.	Xi măng - Phương pháp thử - Xác định độ nở autoclave	TCVN 8877:2011
55.	Xi măng - Phương pháp xác định độ mịn	TCVN 4030:2003
56.	Xi măng - Phương pháp xác định nhiệt thuỷ hoá	TCVN 6070:2005
57.	Xi măng - Yêu cầu chung về phương pháp thử cơ lý	TCVN 4029:1985
58.	Xi măng - Phương pháp xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 4032:1985
59.	Xi măng - Phương pháp thử - Xác định cường độ	TCVN 6016:2011
60.	Cát tiêu chuẩn ISO để xác định cường độ của xi măng	TCVN 6227:1996
61.	Xi măng pooc lăng hỗn hợp - Phương pháp xác định hàm lượng phụ gia khoáng	TCVN 9203:2012
62.	Xi măng xây trát	TCVN 9202:2012
63.	Xi măng pooc lăng bền sun phat	TCVN 6067:2018
64.	Bê tông nặng - Các phương pháp xác định chỉ tiêu cơ lý	TCVN 3105:2022 ÷ TCVN 3120:2022
65.	Bê tông nặng - Phương pháp xác định cường độ lăng trụ và mô đun đàn hồi khi nén tĩnh	TCVN 5726:2022
66.	Bê tông nặng - Phương pháp xác định cường độ nén bằng súng bột nảy	TCVN 9334:2012
67.	Bê tông nặng - Phương pháp thử không phá huỷ - đánh giá chất lượng bê tông bằng vận tốc xung siêu âm	TCVN 9335:2012
68.	Bê tông nặng - Phương pháp xác định hàm lượng sun phat	TCVN 9336:2012
69.	Bê tông nặng. Phương pháp thử không phá huỷ. Đánh giá chất lượng bê tông bằng vận tốc xung siêu âm	TCVN 13537:2022 TCVN 13536:2022
70.	Bê tông nặng - Phương pháp xác định độ thấm I on Clo. Phương pháp đo điện lượng	TCVN 9337:2012
71.	Hỗn hợp bê tông nặng - Phương pháp xác định thời gian đông kết	TCVN 9338:2012

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã quy chuẩn, tiêu chuẩn
72.	Bê tông và vữa xây dựng - Phương pháp xác định pH bằng máy đo pH	TCVN 9339:2012
73.	Hỗn hợp bê tông trộn sẵn - Yêu cầu cơ bản đánh giá chất lượng, nghiệm thu	TCVN 9340:2012
74.	Bê tông cốt thép. Kiểm tra khả năng cốt thép bị ăn mòn. Phương pháp điện thế	TCVN 9348:2012
75.	Chỉ dẫn kỹ thuật chọn thành phần bê tông sử dụng cát nghiền	TCVN 9382:2012
76.	Phụ gia hoá học cho bê tông	TCVN 8826:2011
77.	Phụ gia cuốn khí cho bê tông	TCVN 12300:2018
78.	Phụ gia hóa học cho bê tông chảy	TCVN 12301:2018
79.	Vữa xây dựng - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 4314:2022
80.	Vữa xây dựng - Phương pháp thử	TCVN 3121:2022
81.	Cát nghiền cho bê tông và vữa	TCVN 9205:2012
82.	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Phương pháp thử	TCVN 7572-1÷20:2006 TCVN 7572-21÷22:2018
83.	Cốt liệu cho bê tông và vữa - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 7570:2006
84.	Bê tông nặng - Phương pháp xác định cường độ kéo khi uốn	TCVN 3119:2022
85.	Gia cố đất nền yếu - Phương pháp trụ đất xi măng	TCVN 9403:2012
86.	Xử lý nền đất yếu bằng phương pháp cố kết hút chân không có màng kín khí trong xây dựng công trình giao thông - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9842:2013
87.	Công trình thủy lợi - Cọc xi măng đất thi công theo phương pháp Jet grouting - Yêu cầu thiết kế thi công, nghiệm thu cho xử lý nền đất yếu	TCVN 9906:2014
88.	Gia cố nền đất yếu bằng giếng cát - Thi công và nghiệm thu	TCVN 11713:2017
89.	Gia cố nền đất bằng bắc thấm thoát nước	TCVN 9355:2012
90.	Gia cố nền đất yếu bằng bắc thấm - Thiết kế, thi công và nghiệm thu	TCVN 9355:2013
91.	Vải địa kỹ thuật – Phương pháp xác định cường độ chịu kéo căng mỗi nối	TCVN 9138:2012
92.	Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu vải địa kỹ thuật trong xây dựng nền đắp trên đất yếu	TCVN 9844:2013
93.	Vải địa kỹ thuật - Phương pháp thử	TCVN 8871-1÷6:2011
94.	Hỗn hợp cấp phối đá chặt gia cố nhựa nóng sử dụng trong kết cấu áo đường - Yêu cầu thi công và nghiệm thu	TCCS 26:2019/TCĐBVN

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã quy chuẩn, tiêu chuẩn
95.	Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu -phần 1: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường	TCVN 13567-1:2022
96.	Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu -phần 2: Bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường polyme	TCVN 13567-2:2022
97.	Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu -phần 2: Hỗn hợp nhựa bán lỏng	TCVN 13567-3:2022
98.	Hỗn hợp bê tông nhựa nóng-Thiết kế theo phương pháp Marshall	TCVN 8820:2011
99.	Phương pháp xác định chỉ số CBR của nền đất và các lớp móng đường bằng vật liệu rời tại hiện trường	TCVN 8821:2011
100.	Mặt đường láng nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu	TCVN 8863:2011
101.	Mặt đường ô tô - Xác định bằng phẳng bằng thước dài 3,0 mét	TCVN 8864:2011
102.	Mặt đường ô tô - Phương pháp đo và đánh giá xác định bằng phẳng theo chỉ số độ gồ ghề quốc tế IRI	TCVN 8865:2011
103.	Mặt đường ô tô - Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát - Thử nghiệm	TCVN 8866:2011
104.	Lớp mặt đường bê tông nhựa chặt sử dụng nhựa đường thông thường có thêm phụ gia SBS theo phương pháp trộn khô tại trạm trộn - Thi công nghiệm thu	TCCS 43:2022/TCĐBVN
105.	Nhựa đường Polime - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 11193:2021
106.	Hỗn hợp bê tông nhựa nguội - Yêu cầu thi công và nghiệm thu	TCCS 08:2014/TCĐBVN
107.	Mặt đường đá dăm thấm nhập nhựa nóng thi công và nghiệm thu	TCVN 8809:2011
108.	Nhũ tương nhựa đường polime gốc axit	TCVN 8816:2011
109.	Nhũ tương nhựa đường axit - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 8817-1÷15:2011
110.	Tiêu chuẩn thí nghiệm xác định cho độ ổn định và độ dẻo Marshall của hỗn hợp bê tông nhựa	ASTM D6927-15
111.	Mặt đường láng nhũ tương nhựa đường axit - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9505:2012
112.	Bột khoáng dùng cho hỗn hợp đá trộn nhựa - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 12884-1÷2:2020
113.	Bê tông nhựa - Phương pháp thử	TCVN 8860-1÷12:2011
114.	Bitum - yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thí nghiệm	TCVN 7493:2005 ÷ TCVN 7504:2005

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã quy chuẩn, tiêu chuẩn
115.	Nhựa đường lỏng - Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử (phần 1-5)	TCVN 8818-1:2011 ÷ TCVN 8818-5:2011
116.	Phương pháp thử độ sâu hằn bánh xe của bê tông nhựa xác định bằng thiết bị Hamburg Wheel-Track	AASHTO T324
117.	Tiêu chuẩn về tổ chức giao thông và bố trí phòng hộ khi thi công trên đường bộ đang khai thác	TCCS 14:2016/TCĐBVN
118.	Quy trình lập thiết kế tổ chức xây dựng và thiết kế thi công	TCVN 4252 :2012
119.	Cao su lưu hóa hoặc nhiệt dẻo - Xác định các tính chất ứng suất - Giãn dài khi kéo	TCVN 4509:2020
120.	Cao su lưu hóa hoặc nhiệt dẻo - Xác định độ bám dính với nền cứng - Phương pháp kéo bóc 90 ⁰	TCVN 4867:2018
121.	Tiêu chuẩn thiết kế điều khiển giao thông đường bộ bằng đèn tín hiệu	TCCS 24:2018/TCĐBVN
122.	Tổ chức thi công	TCVN 4055:2012
123.	Lưới thép xoắn kép có hoặc không gia cường cáp thép dùng để gia cố ổn định bề mặt mái dốc, chống đá đổ, đá rơi - Yêu cầu kỹ thuật, thi công và nghiệm thu	TCCS 35:2021/TCĐBVN
124.	Tường chắn rọ đá trọng lực - Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu	TCCS 13:2016/TCĐBVN
125.	Rọ đá, thảm đá và các sản phẩm mắt lưới lục giác xoắn kép phục vụ xây dựng công trình giao thông đường thủy - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 10335: 2014
126.	Âm học- Mô tả, đo và đánh giá tiếng ồn môi trường- Phần 1: Các đại lượng cơ bản và phương pháp đánh giá	TCVN 7878-1:2018
127.	Âm học- Mô tả, đo và đánh giá tiếng ồn môi trường-Phần 2: Xác định mức tiếng ồn môi trường.	TCVN 7878-2:2018
128.	Sơn tín hiệu giao thông - Vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo - Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, thi công và nghiệm thu	TCVN 8791:2011
129.	Sơn tín hiệu giao thông - Sơn vạch đường hệ nước - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 8786:2018
130.	Sơn tín hiệu giao thông - Sơn vạch đường hệ dung môi - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 8787:2018
131.	Sơn tín hiệu giao thông - Sơn vạch đường hệ dung môi và hệ nước - Quy trình thi công và nghiệm thu	TCVN 8788:2011
132.	Màn phản quang dùng cho biển báo hiệu đường bộ	TCVN 7887:2018
133.	Vật liệu kẻ đường phản quang - Màu sắc - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 10832:2015

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã quy chuẩn, tiêu chuẩn
134.	Son tín hiệu giao thông - Phương pháp đo hệ số phát sang dưới ánh sáng khuếch tán bằng phản xạ kế cầm tay	TCVN 9274:2012
135.	Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ - Đinh phản quang - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 12584:2019
136.	Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ - Thiết bị dẫn hướng và tấm phản quang - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 12585:2019
137.	Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ - Tấm chống chói - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 12586:2019
138.	Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ - Dải phân cách và lan can phòng hộ - Kích thước và hình dạng	TCVN 12681:2019
139.	Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ - Đèn cảnh báo an toàn	TCVN 12680:2019
140.	Trang thiết bị an toàn giao thông đường bộ - Trụ dẻo phân làn - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 12587:2019
141.	Hạng mục công trình an toàn phòng hộ trên đường cao tốc - Yêu cầu thiết kế và thi công	TCCS 20:2018/TCĐBVN
142.	Gờ giảm tốc, gờ giảm tốc trên đường bộ - Yêu cầu thiết kế	TCCS 34:2020/TCĐBVN
143.	Cống hộp bê tông cốt thép	TCVN 9116:2012
144.	Ống bê tông cốt thép thoát nước	TCVN 9113:2012
145.	Nền đường đắp đá - Thiết kế, thi công và nghiệm thu	TCCS 29:2020/TCĐBVN
146.	Đất, đá dăm dùng trong công trình giao thông - Đàm nén Proctor	TCVN 12790:2020
147.	Vật liệu nền, móng mặt đường - Phương pháp xác định tỷ số CBR trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020
148.	Xác định độ chặt của đất tại hiện trường bằng phương pháp dao dai	TCVN 12791:2020
149.	Phân loại đất và hỗn hợp cấp phối đất cho mục đích xây dựng đường ô tô	AASHTO-M145
150.	Xác định mô đun đàn hồi của vật liệu đá gia cố chất kết dính vô cơ trong phòng thí nghiệm	TCVN 9843:2013
151.	Lớp kết cấu áo đường ô tô bằng cấp phối thiên nhiên - Vật liệu, thi công và nghiệm thu	TCVN 8857:2011
152.	Công tác đất - Thi công và nghiệm thu	TCVN 4447:2012
153.	Thí nghiệm xác định độ chặt nền, móng đường bằng phễu rót cát	AASHTO T191

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã quy chuẩn, tiêu chuẩn
154.	Đất xây dựng – phương pháp phóng xạ xác định độ ẩm và độ chặt của đất tại hiện trường	TCVN 9350:2012
155.	Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu	TCVN 9436:2012
156.	Quy trình thí nghiệm xác định cường độ kéo khi ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng các chất kết dính.	TCVN 8862:2011
157.	Móng cấp phối đá dăm và cấp phối thiên nhiên gia cố xi măng trong kết cấu áo đường ô tô - Thi công và nghiệm thu	TCVN 8858:2023
158.	Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường ô tô - Vật liệu, thi công và nghiệm thu	TCVN 8859:2023
159.	Lớp kết cấu áo đường đá dăm nước. Thi công và nghiệm thu	TCVN 9504:2012
160.	Thép tấm mỏng cán nóng chất lượng kết cấu	TCVN 6522:2018
161.	Kết cấu cầu thép - Yêu cầu kỹ thuật chung về chế tạo, lắp ráp và nghiệm thu	TCVN 10307:2014
162.	Thép các bon cán nóng dùng làm kết cấu trong xây dựng - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 5709:2009
163.	Thép tấm kết cấu cán nóng có giới hạn chảy cao	TCVN 6523:2018
164.	Vật liệu kim loại - Thử uốn	TCVN 198:2008
165.	Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại - Thử uốn	TCVN 5401:2010
166.	Thử phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại. Thử va đập. Vị trí mẫu thử, hướng rãnh khía và kiểm tra	TCVN 5402:2010
167.	Thép cốt bê tông - Hàn hồ quang	TCVN 9392:2012
168.	Thép cốt bê tông - Mối nối bằng đập ép ống - Thiết kế thi công và nghiệm thu	TCVN 9390:2012
169.	Lưới thép hàn dùng trong kết cấu bê tông cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế, thi công lắp đặt và nghiệm thu	TCVN 9391:2012
170.	Kết cấu bê tông cốt thép - Phương pháp điện từ xác định chiều dày bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông	TCVN 9356:2012
171.	Lớp phủ kẽm nhúng nóng trên bề mặt sản phẩm gang và thép. Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 5408:2007
172.	Thép thanh cốt bê tông - Thử uốn và uốn lại không hoàn toàn	TCVN 6287:1997
173.	Sơn xây dựng – Phân loại	TCVN 9404:2012
174.	Sơn - Phương pháp không phá hủy xác định chiều dày màng sơn khô	TCVN 9406:2012
175.	Sơn tường - Sơn nhũ tương - Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 8652:2020

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã quy chuẩn, tiêu chuẩn
176.	Sơn và lớp phủ bảo vệ kim loại - Phương pháp thử trong điều kiện tự nhiên	TCVN 8785:2011
177.	Sơn bảo vệ kết cấu thép - Thi công và nghiệm thu	TCVN 8790:2011
178.	Sơn và vecni - Bảo vệ chống ăn mòn kết cấu thép bằng các hệ sơn phủ	TCVN 12705:2019
V.	Tiêu chuẩn thiết kế trung tâm quản lý điều hành, trung tâm dịch vụ, nhà hạt quản lý và các công trình phụ trợ	
1.	Quy hoạch cây xanh sử dụng công cộng trong các đô thị - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 9257:2012
2.	Chống sét cho công trình xây dựng - Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra, bảo trì hệ thống	TCVN 9385:2012
3.	Kết cấu gạch đá và gạch đá cốt thép - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5573:2011
4.	Kết cấu thép - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5575:2012
5.	Kết cấu xây dựng và nền - Nguyên tắc cơ bản về tính toán	TCVN 9379:2012
6.	Hệ thống tài liệu thiết kế xây dựng - Cấp nước và thoát nước - Mạng lưới bên ngoài - Bản vẽ thi công	TCVN 3989:2012
7.	Nhà và công trình công cộng – Nguyên tắc cơ bản để thiết kế	TCVN 4319:2012
8.	Nhà ở - Nguyên tắc cơ bản để thiết kế	TCVN 4451:2012
9.	Công sở cơ quan hành chính nhà nước - Yêu cầu thiết kế	TCVN 4601:2012
10.	Tiêu chuẩn thiết kế nền nhà và công trình	TCVN 9362:2012
11.	Sơn xây dựng – Phân loại	TCVN 9404:2012
12.	Sơn – Phương pháp không phá huỷ xác định chiều dày màng sơn khô	TCVN 9406:2012
13.	Lắp đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng – Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5928:2012
14.	Cửa đi, cửa sổ phần 2 cửa kim loại	TCVN 9366:2012
15.	Tấm lợp dạng sóng – Yêu cầu thiết kế và hướng dẫn lắp đặt	TCVN 8053:2009
16.	Đá ốp, lát đá tự nhiên	TCVN 4732:2007
17.	Thiết bị chữa cháy đầu nổi	TCVN 5739:2023
18.	Phương tiện phòng cháy chữa cháy - Vòi dây chữa cháy - Vòi dây bằng sợi tổng hợp tráng cao su	TCVN 5740:2009
19.	Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình - Yêu cầu thiết kế	TCVN 2622:1995

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã quy chuẩn, tiêu chuẩn
20.	Công nghệ thông tin - Nhận dạng tần số vô tuyến cho quản lý đối tượng - Phần 63: Thông số cho giao tiếp không dây tần số 860 Mhz - 960 Mhz, loại C	ISO IEC 18000-63:2017
21.	Lắp đặt điện trong công trình xây dựng	IEC 60364
22.	Đèn điện - Phần 1: Yêu cầu chung và các thử nghiệm đèn điện	TCVN 7722-1:2017
23.	Đèn điện - Phần 2: Yêu cầu cụ thể - Mục 3: Đèn điện dùng cho chiếu sáng đường phố	TCVN 7222-2-3:2019
24.	Tính năng đèn điện - Phần 1: Yêu cầu chung	TCVN 10885-1-2015
25.	Tính năng đèn điện - Phần 2-1: Yêu cầu cụ thể đối với đèn điện Led	TCVN 10885-2-1:2015
26.	Phòng cháy chữa cháy - Phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn - Yêu cầu thiết kế lắp đặt	TCVN 13456:2022
27.	Chữa cháy - Bình chữa cháy xách tay - Tính năng và cấu tạo	TCVN 7026:2013
28.	Cáp điện lực đi ngầm trong đất - Phương pháp lắp đặt	TCVN 7997:2009
29.	Qui phạm nối đất nối không các thiết bị điện	TCVN 9358:2012
30.	Bóng đèn LED có balasts lắp liền dùng cho chiếu sáng thông dụng làm việc ở điện áp lớn hơn 50 V - Yêu cầu về tính năng	TCVN 8783-2015
31.	Đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 9207:2012
32.	Cáp điện lực cách điện dạng đùn và phụ kiện cáp điện dùng cho điện áp danh định từ 1kV ($U_m=1,2kV$) đến 30 kV ($U_m=36kV$) - Phần 1: Cáp dùng cho điện áp danh định bằng 1kV ($U_m=1,2kV$) đến 3kV ($U_m=3,6kV$)	TCVN 5935-1:2013
33.	Hệ thống lắp điện hạ áp – Yêu cầu so với mạng lưới hệ thống lắp đặt đặc biệt quan trọng hoặc khu vực đặc biệt quan trọng – Hệ thống lắp đặt dùng cho chiếu sáng bên ngoài	TCVN 7447-7-714:2011
34.	Đặt thiết bị điện trong nhà tại khu công trình công cộng – Tiêu chuẩn phong cách thiết kế	TCVN 9206:2012
35.	Đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng – Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 9207:2012
VI.	Tiêu chuẩn áp dụng cho Hệ thống giao thông thông minh (ITS):	
a)	Tiêu chuẩn áp dụng cho Hệ thống giao thông thông minh (ITS):	

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã quy chuẩn, tiêu chuẩn
1.	Hệ thống giao thông thông minh - Kiến trúc mô hình tham chiếu cho hệ thống giao thông thông minh (ITS) - Phần 1: Các miền dịch vụ, nhóm dịch vụ và dịch vụ ITS	TCVN 12836-1:2020
2.	Hệ thống Giao thông thông minh- Kiến trúc mô hình tham chiếu cho Hệ thống giao thông thông minh - Phần 5: Yêu cầu mô tả kiến trúc theo tiêu chuẩn ITS	ISO 14813-5:2020
3.	Hệ thống giao thông thông minh - Kiến trúc mô hình cho ITS - Phần 6: Biểu diễn dữ liệu trong ASN.1	ISO 14813-6:2017
b)	<i>Tiêu chuẩn hệ thống quản lý giao thông</i>	
1.	Hệ thống thu phí điện tử	TCVN 10849:2015
2.	Hệ thống giám sát, điều hành giao thông trên đường cao tốc	TCVN 10850:2015
3.	Trung tâm quản lý điều hành giao thông đường cao tốc	TCVN 10851:2015
4.	Tiêu chuẩn quốc gia về Biển báo giao thông điện tử trên đường cao tốc.	TCVN 10852:2015
5.	Hệ thống thông tin liên lạc trên đường cao tốc	TCVN 12191:2018
6.	Hệ thống thông điệp dữ liệu giao thông trên đường cao tốc	TCVN 12192:2018
7.	Công nghệ thu phí đường bộ theo hình thức điện tử không dừng sử dụng công nghệ RFID - Yêu cầu chung	TCCS 44:2022/TCĐBVN
c)	<i>Tiêu chuẩn trao đổi dữ liệu giữa các hệ thống</i>	
1.	Tiêu chuẩn quốc gia về Trung tâm dữ liệu - Yêu cầu về hạ tầng kỹ thuật viễn thông.	TCVN 9250:2021
2.	Công nghệ thông tin - Các kỹ thuật an toàn - Các tiêu chí đánh giá an toàn CNTT	TCVN 8709-1:2011 TCVN 8709-2:2011 TCVN 8709-3:2011
3.	Hệ thống điều khiển và thông tin giao thông - Giao diện dữ liệu giữa các trung tâm và hệ thống kiểm soát và thông tin giao thông - Phần 1: Các yêu cầu định nghĩa thông báo	ISO 14827-1:2005
4.	Hệ thống điều khiển và thông tin giao thông - Giao diện dữ liệu giữa các trung tâm và hệ thống kiểm soát và thông tin giao thông- Phần 2: DATEX-ASN	ISO 14827-2:2005
5.	Giao diện dữ liệu giữa các Trung tâm điều hành và giám sát giao thông trong hệ thống giao thông thông minh đường cao tốc - Phần 3: Giao diện dữ liệu giữa các trung tâm của hệ thống giao thông thông minh sử dụng XML	ISO 14827-3:2019

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã quy chuẩn, tiêu chuẩn
6.	Hệ thống giao thông thông minh (ITS) - Trao đổi dữ liệu bằng các kết nối mô-đun bên đường - Phần 1: Nguyên tắc chung và các khung tài liệu cho các mẫu ứng dụng.	ISO 15784-1:2008
7.	Hệ thống giao thông thông minh (ITS) - Trao đổi dữ liệu bằng các kết nối mô-đun bên đường - Phần 2: Mẫu ứng dụng - SNMP.	ISO 15784-2:2015
8.	Hệ thống giao thông thông minh (ITS) - Trao đổi dữ liệu bằng các kết nối mô-đun bên đường - Phần 3: Trao đổi thông tin mẫu ứng dụng (AP-DATEX).	ISO 15784-3:2008
9.	Hệ thống giao thông thông minh - Từ điển dữ liệu trung tâm ITS - Phần 1, 2, 3	ISO 14817-1:2015 ISO 14817-2:2015 ISO 14817-3:2017
10.	Hệ thống giao thông thông minh - Mô-đun bên đường Giao diện dữ liệu SNMP - Phần 1: Tổng quan	ISO 20684-1: 2021
11.	Hệ thống giao thông thông minh - Mô-đun bên đường Giao diện dữ liệu SNMP - Phần 2: Quản lý cơ bản thiết bị hiện trường	ISO 20684-2:2021
12.	Mã hóa đối tượng hình ảnh, âm thanh - Phần 1: Các hệ thống	TCVN 11795-1:2020
d)	Tiêu chuẩn cho hệ thống thông tin liên lạc	
1.	Công trình viễn thông - Quy tắc thực hành chống sét và tiếp đất	TCVN 8071:2009
2.	Sợi quang dùng cho mạng viễn thông - Yêu cầu kỹ thuật chung	TCVN 8665:2011
3.	Thiết bị nguồn - 48 VDC dùng cho thiết bị viễn thông - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 8687:2011
4.	Cổng, bể, hầm, hố, rãnh kỹ thuật và tủ đấu cáp viễn thông. Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 8700:2011
5.	Mạng viễn thông - Cáp sợi đồng thông tin CAT.5, CAT.5E - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 8698:2011
6.	Mạng viễn thông - Ống nhựa dùng cho tuyến cáp ngầm - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 8699:2011
7.	Mạng viễn thông - Cáp thông tin kim loại dùng trong mạng điện thoại nội hạt	TCVN 8238:2009
8.	Quản lý an toàn trong bức xạ tần số Radio	TCVN 3718-1:2015
9.	Dịch vụ điện thoại VoIP- Các yêu cầu	TCVN 8068:2009
10.	Thiết bị cổng thoại IP dùng cho mạng điện thoại công cộng (IP Gateway) - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 8078:2009
e)	Tiêu chuẩn điện và cơ khí (E&M)	
1.	Hệ thống điện không gián đoạn (UPS) - Phần 1: Yêu cầu chung và yêu cầu an toàn đối với (UPS)	TCVN 9631-1:2013 (IEC 62040-1:2008)

TT	Tên quy chuẩn, tiêu chuẩn	Mã quy chuẩn, tiêu chuẩn
2.	Hệ thống điện không gián đoạn (UPS) - Phần 2: Yêu cầu về tương thích điện từ (EMC)	TCVN 9631-2:2013 (IEC 62040-2:2005)
3.	Hệ thống điện không gián đoạn (UPS) - Phần 3: Phương pháp xác định các yêu cầu tính năng và thử nghiệm	TCVN 9631-3:2013 (IEC 62040-3:2011)
4.	Tương thích điện từ (EMC) - Thiết bị mạng viễn thông - Yêu cầu về tương thích điện từ	TCVN 8235:2009
5.	Tương thích điện từ - Yêu cầu đối với thiết bị điện gia dụng, dụng cụ điện và các thiết bị tương tự - Phần 1: Phát xạ	TCVN 7492-1:2018
6.	Đặt đường dẫn điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 9207:2012
7.	Đặt thiết bị điện trong nhà ở và công trình công cộng - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 9206:2012
8.	Lắp đặt cáp và dây dẫn cho các công trình công nghiệp	TCVN 9208:2012
9.	Hệ thống lắp đặt điện hạ áp	TCVN 7447:2010
10.	Lắp đặt hệ thống nối đất thiết bị cho các công trình công nghiệp - Yêu cầu chung	TCVN 9358:2012
11.	Thông gió - Điều hòa không khí - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5687:2010
12.	Phòng cháy, chống cháy cho nhà và công trình. Yêu cầu thiết kế	TCVN 2622:1995
13.	Hệ thống báo cháy - Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 5738:2021
14.	Phòng cháy, chữa cháy, Bình chữa cháy xách tay và xe đẩy chữa cháy. Phần 1: Lựa chọn và bố trí	TCVN 7435-1:2004
15.	Phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình - Trang bị, bố trí, kiểm tra, bảo dưỡng	TCVN 3890:2021

Ghi chú:

- Một số tiêu chuẩn tùy theo phạm vi áp dụng có thể dùng chung cho cả giai đoạn khảo sát, thiết kế, giám sát, thi công và nghiệm thu.

- Đối với các tiêu chuẩn có mã hiệu TCN, TCXD, Quy định tạm thời hiện nay đang được chuyển đổi sang tiêu chuẩn TCVN. Trong quá trình triển khai dự án, yêu cầu Chủ đầu tư và các đơn vị cập nhật điều chỉnh để đảm bảo theo các quy định hiện hành./.